

THU NHẬP VÀ ĐIỀU CHỈNH SINH KẾ SAU THU HỒI ĐẤT NÔNG NGHIỆP: TRƯỜNG HỢP HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

DƯƠNG NGỌC THÀNH^{1,*} - TRẦN MINH HÙNG² - LÊ MINH QUÂN³

Ngày nhận bài: 9/7/2026

Ngày sửa bài: 24/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 10/8/2026

Tóm tắt:

Nghiên cứu phân tích thay đổi thu nhập và điều chỉnh sinh kế của các hộ có đất nông nghiệp bị thu hồi tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (theo địa giới hành chính trước ngày 01/7/2025). Dữ liệu được thu thập đầu năm 2026 từ 90 hộ chọn ngẫu nhiên phân tầng, gồm 30 hộ bị thu hồi toàn bộ và 60 hộ bị thu hồi một phần đất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. Thống kê mô tả và kiểm định t cho mẫu ghép được sử dụng để so sánh thu nhập trước và sau thu hồi đất. Kết quả cho thấy, thu nhập bình quân giảm từ 5,61 xuống 4,86 triệu đồng/hộ/tháng, tương ứng 13,4%, với khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Cơ cấu thu nhập chuyển từ nông nghiệp sang bồi thường, lao động phi nông nghiệp, thương mại và dịch vụ; hộ bị thu hồi toàn bộ đất dễ bị tổn thương hơn do không còn nguồn thu nông nghiệp làm vùng đệm. Nghiên cứu đề xuất phân hóa hỗ trợ theo mức độ mất đất, gắn đào tạo nghề với việc làm, tư vấn sử dụng tiền bồi thường và theo dõi phục hồi thu nhập.

Từ khóa: điều chỉnh sinh kế, phục hồi sinh kế, thu hồi đất nông nghiệp, thu nhập hộ gia đình, Vĩnh Long

Income and livelihood adjustments following agricultural land acquisition: A case study of Binh Tan District, Vinh Long Province

Abstract:

This study analyzes changes in income and livelihood adjustments among households whose agricultural land was acquired in Binh Tan District, Vinh Long Province (based on the administrative boundaries prior to July 1, 2025). Data were collected in early 2026 from 90 households selected through stratified random sampling, including 30 households whose agricultural land was entirely acquired and 60 households whose land was partially acquired during the 2021–2025 period. Descriptive statistics and paired-samples t-tests were employed to compare household income before and after land acquisition. The results show that average household income decreased from VND 5.61 million to VND 4.86 million per household per month, representing a decline of 13.4%, with the difference being statistically significant at the 5% level. The income structure shifted from agriculture toward compensation payments, non-agricultural employment, trade, and services. Households whose entire agricultural landholdings were acquired were more vulnerable because they no longer had agricultural income as a buffer. The study recommends differentiated support based on the extent of land loss, linking vocational training with employment opportunities, providing guidance on the effective use of compensation payments, and monitoring household income recovery.

Keywords: livelihood adjustment, livelihood recovery, agricultural land acquisition, household income, Vinh Long

1. Đặt vấn đề

Công nghiệp hóa, đô thị hóa và phát triển kết cấu hạ tầng làm gia tăng chuyển đổi đất nông nghiệp ở nhiều nền kinh tế đang phát triển. Đối với hộ nông thôn, đất không chỉ là tài sản sản xuất mà còn tạo việc làm, thu nhập theo mùa vụ và khả năng tự bảo đảm một phần đời sống. Vì vậy, thu hồi đất có thể tạo ra lợi ích phát triển ở cấp địa phương nhưng đồng thời làm phát sinh rủi ro sinh kế nếu hộ không tạo được nguồn thu thay thế ổn định. Các nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy, lợi ích từ chuyển đổi đất được phân bổ không đồng đều và quá trình chuyển sang việc làm phi nông nghiệp phụ thuộc đáng kể vào vốn nhân lực, cơ hội việc làm và cách sử dụng tiền bồi thường (Phuc et al., 2014; Nguyen et al., 2016; Ngo, 2016; Nguyen et al., 2019).

Huyện Bình Tân (cũ), tỉnh Vĩnh Long là địa bàn còn phụ thuộc đáng kể vào nông nghiệp. Trong giai đoạn 2021-2025, các dự án giao thông, hạ tầng, năng lượng và công nghiệp đã thu hồi khoảng 477.831,6 m² đất nông nghiệp, ảnh hưởng 202 hộ, gồm 66 hộ thu hồi toàn bộ và 136 hộ thu hồi một phần đất. Trong khi nhiều nghiên cứu đã xem xét phúc lợi và sinh kế sau thu hồi đất, bằng chứng tại địa phương kết hợp so sánh thu nhập trước-sau, thay đổi cơ cấu nguồn thu và mức độ mất đất vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu này tập trung: (i) đo lường thay đổi thu nhập hộ trước và sau thu hồi đất; (ii) mô tả sự chuyển dịch cơ cấu thu nhập và khác biệt giữa hộ thu hồi toàn bộ với thu hồi một phần đất; và (iii) đề xuất hàm ý chính sách phục hồi sinh kế. Do không có nhóm đối chứng và thu nhập trước thu hồi được thu thập một phần theo hồi tưởng, kết quả được diễn giải như những thay đổi quan sát được trong mẫu, không phải ước lượng tác động nhân quả.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Khung sinh kế bền vững xem sinh kế hộ gia đình là kết quả của việc huy động các loại vốn tự nhiên, con người, tài chính, vật chất và xã hội trong một bối cảnh dễ bị tổn thương chịu tác động của thể chế và chính sách (Scoones, 1998; DFID, 1999). Trong khung này, đất nông nghiệp là bộ phận quan trọng của vốn tự nhiên. Khi đất bị thu hồi, hộ không chỉ mất diện tích canh tác mà có thể mất nguồn tự tạo việc làm và dòng thu nhập định kỳ. Khả năng phục hồi phụ thuộc vào việc chuyển hóa các nguồn lực còn lại thành việc làm, kỹ năng, đầu tư sản xuất hoặc hoạt động kinh doanh mới. Vì vậy, bồi thường bằng tiền là cần thiết nhưng chưa đủ nếu không tạo ra năng lực sinh kế có khả năng tái tạo thu nhập.

Lý thuyết chuyển dịch cơ cấu nhấn mạnh sự dịch chuyển lao động và thu nhập từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ có năng suất cao hơn (Lewis, 1954). Tuy nhiên, chuyển dịch bắt buộc do thu hồi đất có thể diễn ra trước khi lao động có kỹ năng và thị trường địa phương có đủ việc làm phù hợp. Do đó, tỷ trọng thu nhập phi nông nghiệp tăng không nhất thiết đồng nghĩa với sinh kế tốt hơn nếu việc làm mới chủ yếu là thời vụ, lương thấp hoặc không ổn định. Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam cho thấy học vấn, việc làm phi nông nghiệp, tỷ lệ đất bị thu hồi, diện tích còn lại và cách sử dụng bồi thường có liên quan đến kết quả thu nhập sau thu hồi đất (Nguyễn Minh Thuận và ctv, 2018; Nguyen et al., 2019; Pham Phuong Nam & Tran Thai Yen, 2022). Các nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh vai trò của quy hoạch, cơ hội sinh kế và khả năng chuyển hóa tài sản trong bối cảnh Đồng bằng sông Cửu Long (Berchoux et al., 2023; Zhang et al., 2023).

Từ các tiếp cận trên, nghiên cứu sử dụng mức thu nhập, cơ cấu nguồn thu và mức độ ổn định sinh kế làm các chỉ báo chính để mô tả quá trình điều chỉnh sau thu hồi đất. Mức độ thu hồi đất được xem là yếu tố phân nhóm quan trọng: hộ bị thu hồi toàn bộ đất dễ bị tổn thương hơn vì không còn nguồn thu nông nghiệp làm vùng đệm, trong khi hộ bị thu hồi một phần vẫn có thể duy trì sản xuất và chuyển đổi sinh kế từng bước.

Bối cảnh thể chế cũng cần được lưu ý khi diễn giải kết quả. Trong giai đoạn 2021-2025, cơ chế bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Việt Nam có sự chuyển tiếp từ Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP sang Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP. Ở Vĩnh Long, quy định cấp tỉnh cũng được điều chỉnh trong năm 2024. Do các dự án trong mẫu triển khai ở các thời điểm khác nhau, điều kiện bồi thường và hỗ trợ giữa các hộ có thể không hoàn toàn đồng nhất. Nghiên cứu không tách riêng tác động của thay đổi pháp lý mà xem đây là bối cảnh thể chế của quá trình điều chỉnh sinh kế.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu và chọn mẫu

Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Bình Tân (cũ), tỉnh Vĩnh Long, đối với các hộ có đất nông nghiệp bị thu hồi trong giai đoạn 2021-2025. Tổng thể gồm 202 hộ bị ảnh hưởng. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo mức độ mất đất được áp dụng. Trong 110 phiếu phát ra, 90 phiếu hợp lệ được sử dụng, đạt tỷ lệ 81,8%; mẫu gồm 60 hộ bị thu hồi một phần và 30 hộ bị thu hồi toàn bộ đất nông nghiệp. Dữ liệu sơ cấp được thu thập đầu năm 2026 bằng bảng hỏi cấu trúc về đặc điểm hộ, lao động, mức độ thu hồi đất, thu nhập trước và sau thu hồi, nguồn thu hiện tại, sử dụng tiền bồi thường và nhu cầu hỗ trợ.

Bảng 1. Các dự án có thu hồi đất nông nghiệp tại huyện Bình Tân (cũ), tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 2021-2025

Năm	Dự án	Diện tích thu hồi (m ²)	Số hộ bị ảnh hưởng	Thu hồi toàn bộ đất	Thu hồi một phần đất
2021	Trường THCS Tân An Thạnh, (nay là xã Tân Lược)	8.173,2	1	0	1
2021	Trường Tiểu học Tân An Thạnh A, (nay là xã Tân Lược)	8.160,0	2	0	2
2021	Khu tái định cư phục vụ Dự án đường cao tốc Mỹ Thuận-Cần Thơ* (nay thuộc xã Mỹ Thuận)	23.892,0	19	0	19
2021	Khu tái định cư tại ấp Thành Tâm, xã Thành Lợi (nay là khóm Thành Tâm, thị trấn Tân Quới)	25.959,8	22	10	12
2023	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, (nay là xã Tân Quới)	95.246,6	47	17	30
2025	Cụm công nghiệp Tân Bình, (nay là xã Tân Quới)	316.400,0	111	39	72
	Tổng cộng	477.831,6	202	66	136

*Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp số liệu thứ cấp từ các cơ quan quản lý dự án (2025).
(*Khu tái định cư thuộc ấp Hòa Hiệp, xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân cũ.)*

3.2. Phương pháp phân tích

Tổng thu nhập hộ được xác định từ thu nhập nông nghiệp, lao động phi nông nghiệp, thương mại-dịch vụ và các nguồn khác, tính theo đồng/hộ/tháng. Thống kê mô tả được dùng để tổng hợp giá trị trung bình,

nhỏ nhất, lớn nhất, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm. Kiểm định Shapiro-Wilk cho chênh lệch thu nhập trong cùng hộ cho thấy giả định phân phối chuẩn không bị bác bỏ ở mức ý nghĩa 5%; do đó kiểm định t cho mẫu ghép được sử dụng để kiểm định sự khác biệt thu nhập bình quân trước và sau thu hồi đất. So sánh giữa nhóm bị thu hồi toàn bộ và thu hồi một phần đất được thực hiện theo hướng mô tả. Các tỷ trọng cơ cấu thu nhập được trình bày theo khoảng phổ biến giữa các hộ, không phải các tỷ trọng điểm bắt buộc cộng thành 100% cho từng hộ.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đặc điểm mẫu và thay đổi thu nhập

Nam giới là chủ hộ trong 86,7% mẫu; 84,4% người trả lời có trình độ trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông, trong khi nhóm nghề/cao đẳng và đại học trở lên chiếm 15,6%. Có 66,7% hộ bị thu hồi một phần và 33,3% bị thu hồi toàn bộ đất nông nghiệp. Về lao động, 32,6% hộ có 1 - 2 lao động và 67,3% có từ 3 lao động trở lên. Cơ cấu này cho thấy, phần lớn hộ có kinh nghiệm sản xuất nhưng khả năng tiếp cận việc làm chính thức hoặc nghề kỹ thuật có thể bị giới hạn bởi trình độ đào tạo.

Thu nhập hộ bình quân giảm 752.673 đồng/tháng, từ 5.610.224 đồng trước thu hồi xuống 4.857.551 đồng sau thu hồi, tương ứng 13,4%. Kiểm định t cho mẫu ghép cho thấy chênh lệch có ý nghĩa thống kê ở mức 5% ($p < 0,05$). Thu nhập tối thiểu giảm từ 3,50 xuống 2,85 triệu đồng/hộ/tháng, còn thu nhập tối đa giảm từ 7,80 xuống 7,50 triệu đồng; độ lệch chuẩn tăng nhẹ, cho thấy mức độ điều chỉnh giữa các hộ không đồng nhất. Kết quả phù hợp với Khung sinh kế bền vững: mất vốn tự nhiên làm giảm nền tảng tạo thu nhập, trong khi khả năng phục hồi phụ thuộc vào việc huy động vốn con người, tài chính và xã hội (Scoones, 1998; DFID, 1999).

Bảng 2. Thu nhập hộ trước và sau thu hồi đất nông nghiệp

Chỉ tiêu	Trước thu hồi đất (đồng/hộ/tháng)	Sau thu hồi đất (đồng/hộ/tháng)
Số quan sát	90	90
Nhỏ nhất	3.500.000	2.850.000
Lớn nhất	7.800.000	7.500.000
Trung bình	5.610.224	4.857.551
Độ lệch chuẩn	1.457.726	1.495.465

Nguồn: Khảo sát hộ gia đình của nhóm tác giả.

4.2. Chuyển dịch cơ cấu thu nhập và khác biệt theo mức độ thu hồi đất

Trước thu hồi đất, trồng trọt trên đất nông nghiệp thường chiếm khoảng 60-75% tổng thu nhập hộ; chăn nuôi khoảng 10-15%, còn dịch vụ, thương mại và lao động làm công chủ yếu là nguồn bổ sung. Sau thu hồi, cơ cấu thu nhập chuyển đáng kể sang bồi thường và hỗ trợ, lao động phi nông nghiệp, thương mại và dịch vụ. Trong giai đoạn đầu, bồi thường có thể chiếm 30-50% nguồn lực thu nhập sẵn có, còn lao động phi nông nghiệp tăng lên khoảng 20-40%. Tuy nhiên, bồi thường là khoản tiền một lần; nếu chủ yếu dùng cho nhà ở, mua sắm tài sản hoặc tiêu dùng thường xuyên thì không tạo ra dòng thu nhập lặp lại. Đồng thời, nhiều việc làm phi nông nghiệp vẫn mang tính thời vụ hoặc kỹ năng thấp. Vì vậy, chuyển dịch khỏi nông nghiệp chỉ bền vững khi các nguồn thu thay thế có tính ổn định và khả năng tái tạo.

Bảng 3. Cơ cấu thu nhập hộ trước và sau thu hồi đất (các khoảng tỷ trọng phổ biến)

Thời kỳ	Nguồn thu nhập chính	Khoảng tỷ trọng phổ biến (%)	Đặc điểm
Trước thu hồi đất	Trồng trọt trên đất nông nghiệp	60-75	Nguồn chủ đạo; tương đối đều theo chu kỳ sản xuất
Trước thu hồi đất	Chăn nuôi	10-15	Nguồn bổ sung; quy mô nhỏ
Trước thu hồi đất	Dịch vụ, thương mại và lao động làm công	5-10 cho mỗi nguồn	Chủ yếu mang tính bổ sung và thời vụ
Sau thu hồi đất	Bồi thường và hỗ trợ	30-50	Tỷ trọng cao trong giai đoạn đầu nhưng không lặp lại
Sau thu hồi đất	Lao động phi nông nghiệp	20-40	Tăng nhanh; phần lớn là lao động kỹ năng thấp
Sau thu hồi đất	Thương mại và dịch vụ	10-30	Kinh doanh nhỏ; phụ thuộc thị trường
Sau thu hồi đất	Các hoạt động sản xuất khác	10-20	Đa dạng hơn nhưng quy mô còn hạn chế

Ghi chú: Các khoảng tỷ trọng phản ánh sự khác biệt giữa các hộ và không phải là một cơ cấu cố định có tổng số học nhất thiết bằng 100%.

Nguồn: Tổng hợp từ khảo sát hộ gia đình và phân tích của nhóm tác giả.

Mức độ mất đất tạo ra khác biệt rõ về khả năng chống chịu. Hộ bị thu hồi toàn bộ đất không còn thu nhập nông nghiệp, phụ thuộc nhiều hơn vào bồi thường (40-55%) và lao động phi nông nghiệp (25-40%). Khi khoản bồi thường giảm dần, nhóm này dễ phụ thuộc vào lao động không thường xuyên, buôn bán nhỏ hoặc di cư. Ngược lại, hộ bị thu hồi một phần vẫn duy trì khoảng 25-35% thu nhập từ diện tích đất còn lại, nhờ đó có nguồn đệm trong quá trình thử nghiệm nghề mới. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu cho rằng diện tích đất còn lại, việc làm phi nông nghiệp và năng lực chuyển đổi sinh kế là các yếu tố quan trọng sau thu hồi đất (Nguyễn Minh Thuận và ctv, 2018; Nguyen & Kim, 2020).

Bảng 4. Cơ cấu thu nhập sau thu hồi đất theo mức độ mất đất nông nghiệp

Nguồn thu nhập	Thu hồi toàn bộ đất nông nghiệp (%)	Thu hồi một phần đất nông nghiệp (%)
Bồi thường và hỗ trợ	40-55	25-40
Đất nông nghiệp	0	25-35
Lao động phi nông nghiệp	25-40	20-30
Thương mại và dịch vụ	10-20	10-20
Các hoạt động sản xuất khác	5-15	5-15

Ghi chú: Các khoảng tỷ trọng phản ánh sự khác biệt giữa các hộ, không phải các tỷ trọng điểm cố định.

Nguồn: Tổng hợp từ khảo sát hộ gia đình và phân tích của nhóm tác giả.

4.3. Điều kiện sống và nhu cầu hỗ trợ

Đánh giá chủ quan của người trả lời cho thấy 38,8% hộ cho rằng, điều kiện sống được cải thiện sau thu hồi đất, 34,7% nhận định không thay đổi và 26,5% cho rằng khó khăn hơn. Các đánh giá này không

chứng minh tác động nhân quả nhưng phản ánh mức độ phục hồi không đồng đều. Về nhu cầu hỗ trợ, tạo việc làm mới tại địa phương được lựa chọn nhiều nhất (55,1%); tiếp theo là tăng mức bồi thường và hỗ trợ vốn/tín dụng ưu đãi (cùng 49,0%), đào tạo nghề phù hợp nhu cầu (42,9%) và hỗ trợ kỹ thuật sản xuất/chăn nuôi (34,7%). Do câu hỏi cho phép nhiều lựa chọn, các tỷ lệ thể hiện mức độ ưu tiên tương đối của hộ.

Kết quả gợi ý phục hồi sinh kế không thể dựa chủ yếu vào bồi thường bằng tiền. Với đặc điểm trình độ học vấn tập trung ở bậc phổ thông và việc làm phi nông nghiệp còn thiếu ổn định, đào tạo nghề chỉ có ý nghĩa khi gắn với nhu cầu tuyển dụng thực tế. Tương tự, tín dụng chỉ hỗ trợ phục hồi khi đi kèm phương án sinh kế khả thi, kỹ thuật và kết nối thị trường. Điều này phù hợp với quan điểm xem quy hoạch và cơ hội việc làm địa phương là điều kiện quan trọng của điều chỉnh sinh kế trong Đồng bằng sông Cửu Long (Berchoux et al., 2023).

Bảng 5. Đánh giá của hộ về điều kiện sống và nhu cầu hỗ trợ sau thu hồi đất

Nội dung	Tỷ lệ (%)
Điều kiện sống được cải thiện	38,8
Điều kiện sống không thay đổi	34,7
Điều kiện sống trở nên khó khăn hơn	26,5
Đề xuất tạo việc làm mới tại địa phương	55,1
Đề xuất tăng mức bồi thường	49,0
Đề nghị hỗ trợ vốn/tín dụng ưu đãi	49,0
Đề nghị đào tạo nghề phù hợp nhu cầu	42,9
Đề nghị hỗ trợ kỹ thuật sản xuất và chăn nuôi	34,7

Ghi chú: Các nội dung hỗ trợ chính sách là câu hỏi nhiều lựa chọn; tổng tỷ lệ có thể lớn hơn 100%.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu khảo sát bằng SPSS.

Cách sử dụng tiền bồi thường là một mắt xích quan trọng của phục hồi thu nhập. Khảo sát cho thấy, nhiều hộ ưu tiên sửa chữa nhà ở, mua sắm tài sản và trang trải chi phí sinh hoạt, trong khi phần dành cho sinh kế mới còn hạn chế. Những lựa chọn này có thể cải thiện phúc lợi trước mắt nhưng nếu phần lớn tiền bồi thường được chuyển sang tiêu dùng thì hộ không còn tài sản sản xuất thay thế phần đất đã mất. Điều này giúp lý giải vì sao các hộ nhận bồi thường tương đối lớn vẫn có thể gặp khó khăn về dòng tiền sau một thời gian. Kết quả tương đồng với Ngo (2016) và Nguyen et al. (2019), khi các tác giả nhấn mạnh khả năng chuyển hóa khoản bồi thường thành tài sản sinh kế và việc làm tạo thu nhập.

Số lao động trong hộ cũng tạo ra khác biệt về khả năng đa dạng hóa. Hộ có nhiều thành viên trong độ tuổi lao động có thể phân bổ nhân lực giữa phần đất còn lại, làm công và kinh doanh nhỏ; ngược lại, hộ ít lao động hoặc có thành viên lớn tuổi phải đối mặt với ràng buộc lớn hơn. Do đó, hai hộ có mức bồi thường tương tự vẫn có thể hình thành những quỹ đạo phục hồi khác nhau tùy vốn nhân lực, cấu trúc lao động và khả năng tiếp cận cơ hội việc làm.

Nhìn tổng thể, các kết quả cho thấy thay đổi cơ cấu thu nhập sau thu hồi đất có hai mặt. Một mặt, tỷ trọng lao động phi nông nghiệp, thương mại và dịch vụ tăng lên phản ánh nỗ lực đa dạng hóa và giảm phụ thuộc vào nông nghiệp. Mặt khác, sự gia tăng này diễn ra trong bối cảnh thu nhập bình quân của mẫu vẫn thấp hơn trước thu hồi và nhiều nguồn thu mới có quy mô nhỏ hoặc thiếu ổn định. Vì vậy, tiêu chí đánh giá phục hồi không nên chỉ là hộ đã chuyển nghề hay đã có thêm nguồn thu, mà cần xem xét mức thu nhập

có trở lại hoặc vượt mức trước thu hồi, việc làm có ổn định hay không và hộ có còn phụ thuộc vào khoản bồi thường đã nhận. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm của Khung sinh kế bền vững, trong đó chất lượng của chiến lược sinh kế được đánh giá bằng khả năng duy trì kết quả lâu dài chứ không chỉ bằng sự thay đổi danh mục hoạt động trong ngắn hạn.

Sự khác biệt giữa nhóm mất toàn bộ và mất một phần đất còn cho thấy vai trò của diện tích đất còn lại như một vùng đệm kinh tế. Đất còn lại vừa tiếp tục tạo thu nhập, vừa cho phép hộ kéo dài thời gian điều chỉnh và giảm áp lực phải chấp nhận ngay các việc làm phi nông nghiệp chất lượng thấp. Tuy nhiên, diện tích nhỏ hơn cũng có thể làm tăng chi phí bình quân và giảm hiệu quả sản xuất; do đó, chính sách đối với nhóm mất một phần đất không nên chỉ tập trung vào chuyển nghề mà còn cần nâng giá trị gia tăng trên diện tích còn lại. Với nhóm mất toàn bộ đất, trọng tâm phải chuyển rõ hơn sang năng lực nghề nghiệp, việc làm ổn định và quản lý nguồn vốn bồi thường.

5. Hàm ý chính sách

Thứ nhất, hỗ trợ cần được phân hóa theo mức độ mất đất và mức độ dễ bị tổn thương. Hộ bị thu hồi toàn bộ đất nên được ưu tiên kết nối việc làm ổn định, đào tạo nghề gắn tuyển dụng và hỗ trợ trong thời gian chuyển đổi; hộ bị thu hồi một phần đất cần đồng thời nâng hiệu quả diện tích còn lại và phát triển nghề phụ. Hồ sơ sinh kế nên ghi nhận tỷ lệ đất mất, số lao động, tuổi, học vấn, người phụ thuộc và nhu cầu hỗ trợ để lựa chọn gói can thiệp phù hợp.

Thứ hai, đào tạo nghề phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động lân cận, ưu tiên chương trình ngắn, thiên về thực hành và phù hợp với lao động trung niên. Song song đó cần mở rộng việc làm tại chỗ trong các hoạt động như thu gom-sơ chế nông sản, logistics nông nghiệp, sửa chữa máy, vận tải nhỏ, bán lẻ và dịch vụ hộ gia đình. Hiệu quả đào tạo nên được đánh giá bằng tỷ lệ có việc làm và mức thu nhập sau đào tạo thay vì số người hoàn thành khóa học.

Thứ ba, trước khi chi trả các khoản bồi thường lớn, hộ nên được tư vấn về phân bổ tiền cho nhu cầu thiết yếu, tiết kiệm dự phòng, trả nợ và đầu tư sinh kế. Tín dụng ưu đãi cần gắn với phương án có khả năng tạo dòng tiền. Đối với hộ còn đất, hỗ trợ kỹ thuật, giảm chi phí, cơ giới hóa, liên kết hợp tác xã-doanh nghiệp và lựa chọn cây, con phù hợp nên hướng tới tăng lợi nhuận trên đơn vị đất.

Thứ tư, cần theo dõi phục hồi thu nhập sau thu hồi đất bằng các chỉ tiêu tối thiểu như thu nhập hộ, nguồn thu chính, tình trạng việc làm, sử dụng tiền bồi thường, tiếp cận tín dụng, tham gia đào tạo và tự đánh giá điều kiện sống. Theo dõi định kỳ giúp phát hiện sớm hộ có thu nhập suy giảm kéo dài và cung cấp bằng chứng để điều chỉnh chính sách.

Về lộ trình, giai đoạn 0-12 tháng nên ưu tiên ổn định sinh kế, tư vấn sử dụng tiền bồi thường và kết nối việc làm; giai đoạn 1-3 năm tập trung đào tạo theo nhu cầu, tín dụng, mô hình kinh doanh nhỏ và nâng hiệu quả đất còn lại; sau 3 năm cần đánh giá tính ổn định của thu nhập và việc làm để quyết định nhân rộng hoặc điều chỉnh mô hình hỗ trợ. Cách tiếp cận theo giai đoạn giúp chuyển trọng tâm từ bồi thường một lần sang phục hồi năng lực tạo thu nhập thường xuyên.

Bảng 6. Lộ trình đề xuất phục hồi thu nhập hộ sau thu hồi đất

Giai đoạn	Hoạt động ưu tiên	Chủ thể chính	Chỉ tiêu theo dõi
0-12 tháng	Phân loại hộ; tư vấn sử dụng tiền bồi thường và bảo trợ xã hội; nhanh chóng kết nối người lao động với việc làm hiện có	UBND cấp xã, cơ quan lao động, các tổ chức đoàn thể	Tỷ lệ hộ có hồ sơ sinh kế; tỷ lệ có việc làm; mức thu nhập hộ tối thiểu

1-3 năm	Đào tạo theo nhu cầu; tín dụng; mô hình kinh doanh nhỏ và sinh kế bổ sung; nâng cao hiệu quả diện tích đất còn lại	Cơ quan chuyên môn, ngân hàng, doanh nghiệp, hợp tác xã	Việc làm sau đào tạo; số mô hình khả thi; tỷ lệ vốn được đầu tư vào sinh kế
Sau 3 năm	Nhân rộng mô hình hiệu quả; tăng cường liên kết thị trường; đánh giá tính bền vững và điều chỉnh chính sách	Chính quyền các cấp liên quan, doanh nghiệp, hợp tác xã	Thu nhập so với trước thu hồi đất; mức ổn định việc làm; tỷ lệ hộ không còn cần hỗ trợ

Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả dựa trên kết quả nghiên cứu.

6. Kết luận

Nghiên cứu trên 90 hộ tại huyện Bình Tân (cũ), tỉnh Vĩnh Long cho thấy, thu nhập bình quân sau thu hồi đất nông nghiệp thấp hơn 13,4% so với trước thu hồi và chênh lệch có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Cơ cấu thu nhập chuyển từ nông nghiệp sang bồi thường, lao động phi nông nghiệp, thương mại và dịch vụ. Hộ bị thu hồi toàn bộ đất có xu hướng dễ bị tổn thương hơn vì không còn nguồn thu nông nghiệp làm vùng đệm; hộ mất một phần đất có điều kiện chuyển đổi từng bước nhờ diện tích còn lại. Kết quả cũng cho thấy, nhu cầu nổi bật của hộ là việc làm tại địa phương, tín dụng và đào tạo nghề phù hợp.

Hàm ý chính là bồi thường cần được đặt trong một chương trình phục hồi sinh kế rộng hơn, bao gồm phân loại hộ theo mức độ mất đất, kết nối việc làm, đào tạo theo nhu cầu, tư vấn sử dụng bồi thường, tín dụng gắn phương án sinh kế và hỗ trợ nâng hiệu quả đất còn lại. Tuy nhiên, nghiên cứu có 3 hạn chế chính: cỡ mẫu 90 hộ tại một địa bàn; thu nhập trước thu hồi được tái dựng một phần từ hồi tưởng; và không có nhóm đối chứng không bị thu hồi đất. Do đó, kết quả phản ánh thay đổi quan sát được chứ không xác định tác động nhân quả. Ngoài ra, một số chỉ tiêu cơ cấu thu nhập được tổng hợp theo khoảng tỷ trọng phổ biến, nên thích hợp cho mô tả xu hướng hơn là ước lượng chính xác cơ cấu của từng hộ. Nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng mẫu, sử dụng dữ liệu bảng hoặc quan sát lặp lại, xây dựng nhóm so sánh đáng tin cậy khi khả thi và kết hợp dữ liệu hành chính để hạn chế sai lệch hồi tưởng. Các phương pháp đa biến hoặc bán thực nghiệm cũng có thể được sử dụng để đánh giá mức độ tác động không đồng nhất giữa các nhóm hộ và kiểm định hiệu quả của từng biện pháp phục hồi sinh kế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ. (2014). Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=173972&pageid=27160>

Chính phủ. (2024). Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi.

Quốc hội. (2013). Luật số 45/2013/QH13: Luật Đất đai, ban hành ngày 29/11/2013

Nguyễn Minh Thuận, Dương Ngọc Thành, và Nguyễn Thành Nghiệp. (2018). Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân sau thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 54(4), 80-90. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.073>

Berchoux, T., Hutton, C. W., Hensengerth, O., Voepel, H. E., Tri, V. P. D., Vu, P. T., Hung, N. N., Parsons, D., & Darby, S. E. (2023). Effect of planning policies on land use dynamics and livelihood opportunities under global environmental change: Evidence from the Mekong Delta. Land Use Policy, 131, Article 106752. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2023.106752>

- Department for International Development. (1999). Sustainable livelihoods guidance sheets. <https://www.livelihoodscentre.org/-/sustainable-livelihoods-guidance-sheets>
- International Finance Corporation. (2023). A good practice handbook: Land acquisition and involuntary resettlement. <https://www.ifc.org/en/insights-reports/2023/handbook-land-acquisition-and-involuntary-resettlement>
- Lewis, W. A. (1954). Economic development with unlimited supplies of labor. *The Manchester School*, 22(2), 139-191. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9957.1954.tb00021.x>
- Ngo Thi Phuong Thao. (2016). Impact of land acquisition on the sustainable livelihoods in Ninh Thuan Province, Vietnam. *Sociology Study*, 6(11), 737-743. <https://doi.org/10.17265/2159-5526/2016.11.008>
- Nguyen Thi Ha Thanh, Tran Van Tuan, Bui Quang Thanh, Quang Huy Man. (2016). Socio-economic effects of agricultural land conversion for urban development: Case study of Hanoi, Vietnam. *Land Use Policy*, 54, 583-592. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2016.02.032>
- Nguyen, T. T., Hegedűs, G., & Nguyen, T. L. (2019). Effect of land acquisition and compensation on the livelihoods of people in Quang Ninh District, Quang Binh Province: Labor and income. *Land*, 8(6), Article 91. <https://doi.org/10.3390/land8060091>
- Pham Phuong Nam & Tran Thai Yen. (2022). Determinants of the lives of households after land loss for urbanization: Experiences from Vinh City, Nghe An Province. *Land Use Policy*, 119, Article 106216. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2022.106216>
- Phuc, N. Q., van Westen, A. C. M., & Zoomers, A. (2014). Agricultural land for urban development: The process of land conversion in Central Vietnam. *Habitat International*, 41, 1-7. <https://doi.org/10.1016/j.habitatint.2013.06.004>
- Quang Nguyen, Doo-Chul Kim. (2020). Reconsidering rural land use and livelihood transition under the pressure of urbanization in Vietnam: A case study of Hanoi. *Land Use Policy*, 99, Article 104896. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2020.104896>
- Scoones, I. (1998). Sustainable rural livelihoods: A framework for analysis (IDS Working Paper No. 72). Institute of Development Studies. https://opendocs.ids.ac.uk/articles/report/Sustainable_Rural_Livelihoods_A_Framework_for_Analysis/26473384
- Zhang, Z., Ghazali, S., Miceikienė, A., Zejak, D., Choobchian, S., Pietrzykowski, M., & Azadi, H. (2023). Socio-economic impacts of agricultural land conversion: A meta-analysis. *Land Use Policy*, 132, Article 106831. <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2023.106831>

Thông tin tác giả:

DƯƠNG NGỌC THÀNH^{1,*} - TRẦN MINH HÙNG² - LÊ MINH QUÂN³

¹Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cửu Long
Faculty of Business Administration, Mekong University

²Khoa Quản trị Kinh doanh-Du lịch, Trường Đại học Tây Đô
Faculty of Business Administration and Tourism, Tay Do University

³Văn phòng Đảng ủy xã Tân Lược, tỉnh Vĩnh Long
Office of the Party Committee of Tan Luoc Commune, Vinh Long Province

*Tác giả liên hệ - Email: dntmail@gmail.com; dnthanh@ctu.edu.vn

ORCID ID: 0000-0002-0276-1570